

# TÁC ĐỘNG CỦA THAY ĐỔI KHUNG PHÁP LÝ VỀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TỚI THỰC HÀNH KIỂM TOÁN TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu tập trung tìm hiểu tác động của những đổi mới trong khung pháp lý về kiểm toán độc lập tại Việt Nam tới thực hành kiểm toán tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính bao gồm việc phỏng vấn bên liên quan đã được xác định trên thị trường dịch vụ kiểm toán và đảm bảo tại Việt Nam, tài liệu nội bộ và tài liệu từ nguồn bên ngoài. Nhìn chung, các phát hiện chỉ ra rằng vẫn tồn tại rủi ro kinh doanh đối với các công ty nước ngoài theo đuổi thương mại ở Việt Nam, đặc biệt là khi các công ty kiểm toán không thuộc Big 4 tham gia vào chức năng kiểm toán, vì trong một số trường hợp, tính độc lập của kiểm toán viên rất có thể bị tổn hại.

**Từ khóa:** khung pháp lý, kiểm toán độc lập, thực hành kiểm toán, công ty kiểm toán, Việt Nam.

## 1. Đặt vấn đề

Với việc giảm bớt các đơn vị thuộc sở hữu nhà nước và hướng tới một nền kinh tế định hướng thị trường hơn (Nguyen và Gong, 2012), Việt Nam đã hướng tới việc áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (IAS) được hỗ trợ bởi các tổ chức nghề nghiệp kế toán quốc tế. Theo truyền thống, các chuẩn mực kế toán và kiểm toán ở Việt Nam do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành.

Nghiên cứu này xem xét những thay đổi khung pháp lý về kiểm toán độc lập năm 2011 tại Việt

Nam. Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011, có hiệu lực pháp lý cao nhất trong số các văn bản của Nhà nước điều chỉnh hoạt động kiểm toán độc lập. Trong khi những thay đổi về khung pháp lý trong luật kiểm toán độc lập năm 2011 phù hợp với xu hướng của các nước phát triển thì Việt Nam có những đặc điểm riêng biệt như Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Nguyen và Richard, 2011) và mối quan hệ chặt chẽ giữa kiểm toán viên và khách hàng kiểm toán (Nguyễn và Kend, 2017). Nghiên cứu này sử dụng

phương pháp nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu những thay đổi trong thực hành kiểm toán tại Việt Nam sau khi Luật Kiểm toán độc lập 2011 ra đời.

## **2. Cơ sở lý luận**

### **2.1. Thực hành kiểm toán tại các nước đang phát triển**

Nghiên cứu về nền kinh tế thị trường đang chuyển đổi và mới nổi là rất quan trọng (Michas, 2011). Trên thực tế, các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc được cho là đã dẫn dắt sự phục hồi của thế giới sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu gần đây nhất (Ezzamel và Xiao, 2011). Ngoài ra, trong thời kỳ hậu Enron, tính độc lập của kiểm toán viên là mối quan tâm chính đối với các cơ quan quản lý và nó cũng là mối quan tâm ở các nền kinh tế thị trường mới nổi như Trung Quốc (Ezzamel và Xiao, 2011). Fan et al. (2013) trong một nghiên cứu so sánh giữa một quốc gia phương Tây (Úc) và Trung Quốc, báo cáo rằng các kiểm toán viên Trung Quốc tỏ ra ít quan tâm hơn đáng kể về mối quan hệ giữa kiểm toán viên và khách hàng ảnh hưởng đến tính độc lập so với các kiểm toán viên ở Úc.

Thông thường, các nền kinh tế thị trường mới nổi thường có mức độ bảo vệ nhà đầu tư thấp hơn và môi trường pháp lý yếu hơn (Michas, 2011). Phát hiện từ Hossain et al. (2010) đề xuất rằng chất lượng kiểm toán cao hơn khi môi trường pháp lý vững chắc hơn, bởi vì cả kiểm toán viên và doanh nghiệp đều phải chịu những hình phạt pháp lý nghiêm khắc hơn đối với hoạt động nghề nghiệp của họ. Hossain et al. (2010) đề xuất các nghiên cứu trong tương lai tập trung xem xét liệu các yêu cầu quy định mới về kiểm toán ở các nền kinh tế thị trường mới nổi như Trung Quốc (Fan và cộng sự, 2013) và Việt Nam (Nguyen và Kend, 2017) có tác động tới nghề nghiệp kiểm toán độc lập tương tự ở các nước phương Tây hay không; và liệu môi trường pháp lý của các quốc gia này tác động như thế nào đến thị trường kiểm toán và chất lượng kiểm toán.

### **2.2. Nghiên cứu về thay đổi khung pháp lý ngành Kế toán và Kiểm toán ở Việt Nam**

Rất ít nghiên cứu tập trung vào thay đổi khung pháp lý ngành Kiểm toán. Trên thực tế, hầu hết các nghiên cứu học thuật của Việt Nam tập trung vào thay đổi khung pháp lý kế toán hơn là kiểm toán. Điều này chỉ ra một lỗ hổng nghiên cứu mà nghiên cứu này sẽ tập trung vào (Phạm và cộng sự, 2014; Hải và Trung, 2015; Nguyễn và cộng sự, 2015; và Hải, 2016).

Pham et al. (2014) sử dụng thiết kế bảng câu hỏi, với 128 cuộc kiểm toán nhân viên từ 10 công ty kiểm toán tại Việt Nam. Nghiên cứu kết luận chất lượng kiểm toán ở Việt Nam chưa cao và tồn tại rủi ro kiểm toán, tuy nhiên, không đề cập đến những thay đổi về khung pháp lý trong Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 (Nguyen và Kend, 2017). Nhiều nghiên cứu trong số các nghiên cứu ở Việt Nam không lý giải được một cách thuyết phục nguyên nhân dẫn đến chất lượng kiểm toán kém ở Việt Nam (Nguyen và cộng sự, 2017). Hải (2016) tập trung vào việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động kiểm toán ở Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến những thay đổi khung pháp lý của hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam.

Hoạt động kiểm toán độc lập của Việt Nam bắt đầu từ năm 1991 khi hai công ty kiểm toán là Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) và Công ty Dịch vụ Kế toán và Kiểm toán (AASC) được thành lập vào ngày 13/5/1991 (Nguyễn và Nguyễn, 2008). Từ đó, có thể chia sự phát triển của ngành Kiểm toán độc lập ở Việt Nam thành 3 giai đoạn.

*Giai đoạn đầu từ năm 1991 đến năm 1997:* Kiểm toán độc lập ở Việt Nam ra đời lần đầu tiên vào năm 1991. Gần 3 năm sau khi kiểm toán độc lập được thành lập, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/1994/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 1994 về Kiểm toán độc lập 1994 quy định về hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Nghị định đưa ra những quy định cơ bản về kiểm toán

viên, công ty kiểm toán và quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán. Tuy nhiên, Nghị định này là văn bản dưới luật. Luật được thông qua bởi Quốc hội, mới là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất ở Việt Nam.

*Giai đoạn thứ hai từ năm 1998 đến năm 2011:* Đầu tư nước ngoài tăng nhanh và Chính phủ đã quy định kiểm toán bắt buộc. Do đó, nhu cầu về kiểm toán bên ngoài đã tăng lên đáng kể. Nhằm mục đích phát triển thị trường kiểm toán và nâng cao chất lượng kiểm toán ở Việt Nam, Chính phủ đã ban hành thêm các Nghị định quy định về hoạt động kiểm toán độc lập (Nguyễn và cộng sự, 2017), đó là Nghị định số 105/2004/NĐ-CP về Kiểm toán độc lập năm 2004 (Việt Nam), thay thế Nghị định số 07/1994/NĐ-CP.

*Giai đoạn thứ ba sau năm 2011:* Trong giai đoạn này, trước những tình hình phát triển mới của ngành Kế toán - Kiểm toán, Chính phủ đã ban hành Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 (Việt Nam), thay thế Nghị định số 105/2004/NĐ-CP. Luật Kiểm toán độc lập được ban hành năm 2011 quy định một số điểm mới, đó là: yêu cầu mới đối với ý kiến kiểm toán; yêu cầu mới để trở thành kiểm toán viên hành nghề; yêu cầu mới về tính độc lập của kiểm toán viên; yêu cầu mới đối với việc thành lập công ty kiểm toán, bao gồm việc phải có ít nhất 5 kiểm toán viên hành nghề và đáp ứng điều kiện về vốn pháp định cần thiết; yêu cầu mới đối với kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty đại chúng bao gồm việc luân chuyển kiểm toán viên.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu hiện tại sử dụng phương pháp định tính để thu thập và phân tích dữ liệu. Phương pháp thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn: phỏng vấn, tài liệu nội bộ và tài liệu từ các nguồn khác được sử dụng cho nghiên cứu này.

Trong nghiên cứu hiện tại, phỏng vấn trực tiếp với nhà quản lý, đơn vị được kiểm toán, kiểm toán viên được thực hiện để thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu. Tài liệu nội bộ được thu thập từ

Big Four khi thực hiện kiểm toán với khách hàng, nhóm kiểm toán sẽ chuẩn bị giấy tờ làm việc. Các tài liệu làm việc này có thể được sử dụng cùng với các nguồn thông tin khác. Các nguồn thông tin khác được sử dụng cho nghiên cứu này bao gồm các bài báo và trang web đã xuất bản. Tác giả đã thu thập các bài báo được công bố từ các tạp chí chuyên ngành, Tạp chí Kiểm toán Quốc tế, Tạp chí Kế toán, Tạp chí Nghiên cứu xã hội và Kinh doanh quốc tế... và thông tin từ một số trang web như: <https://mof.gov.vn>; <https://www.ifac.org>...

### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 4.1. Sáp nhập và hợp nhất trở thành chiến lược phổ biến của một số công ty kiểm toán Việt Nam

Luật Kiểm toán độc lập 2011 thay đổi điều kiện thành lập công ty kiểm toán. Số lượng kiểm toán viên tối thiểu để thành lập công ty kiểm toán đã thay đổi từ 3 kiểm toán viên lên 5 kiểm toán viên hành nghề. Kết quả nghiên cứu cho thấy thay đổi liên quan đến điều kiện hoạt động của các công ty kiểm toán đã ảnh hưởng đáng kể đến các công ty kiểm toán không thuộc nhóm Big Four. Theo yêu cầu của Luật Kiểm toán, các công ty kiểm toán không thuộc Big Four đã phải cơ cấu lại.

Với sự hỗ trợ của VACPA, việc tổ chức lại các công ty kiểm toán không thuộc Big Four được tiến hành thường xuyên. Một số công ty kiểm toán không thuộc Big Four đã sáp nhập để trở thành công ty lớn hơn nhằm đáp ứng các yêu cầu mới (VACPA, 2021).

Những người được phỏng vấn cho rằng những thay đổi trong Luật Kiểm toán độc lập chủ yếu tác động nhiều tới các công ty kiểm toán không phải là Big Four: “Luật Kiểm toán độc lập tác động đến việc thành lập các công ty kiểm toán mới và hoạt động cũng như hoạt động của các công ty kiểm toán không thuộc nhóm Big Four. Trên thị trường, có hợp nhất, giải thể,... Các tác động là rất lớn đối với các kiểm toán viên và công ty kiểm toán nhỏ”. Kết quả phân tích cho thấy việc hợp

nhất giữa các công ty kiểm toán không thuộc Big Four đã trở thành một xu hướng thống trị trên thị trường kiểm toán. Các công ty kế toán nhỏ đã sử dụng sát nhập và hợp nhất để đáp ứng các yêu cầu của luật kiểm toán độc lập. Mặc dù các công ty kiểm toán lâu đời đã có thời gian dài để chuẩn bị tuyển dụng nhiều kiểm toán viên hơn, nhưng việc sát nhập giữa các công ty kiểm toán đã trở nên phổ biến hơn (Nguyen, 2011). Những người được phỏng vấn từ các công ty kiểm toán vừa và nhỏ cho biết sát nhập là một chiến lược phổ biến của các công ty kiểm toán Việt Nam. Hơn thế nữa, việc thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện công ty kiểm toán thay vì thành lập mới công ty kiểm toán cũng là một xu hướng mới.

Mặc dù một số công ty kiểm toán không phải Big Four đã thay đổi theo yêu cầu Luật Kiểm toán độc lập, nhưng nhiều công ty trong số đó chỉ mới thay đổi về hình thức. Một số công ty kiểm toán không phải Big Four đã hợp nhất về mặt hình thức để đáp ứng yêu cầu của Luật Kiểm toán. Tuy nhiên, các hoạt động và cơ cấu quản lý của các công ty vẫn còn riêng biệt. Ví dụ, cho thấy việc sát nhập hai công ty kiểm toán, đặt tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, chỉ làm tăng quy mô để đáp ứng đủ điều kiện của luật để thực hiện kiểm toán. Trên thực tế, hai công ty kiểm toán này vẫn hoạt động độc lập, có hệ thống khách hàng kiểm toán khác nhau và trả lương riêng biệt. Các công ty này hoạt động độc lập với hệ thống kiểm soát chất lượng kiểm toán khác nhau. Loại sát nhập này chỉ là sát nhập về mặt hình thức (Nguyen, 2011).

Hơn nữa, những người được phỏng vấn đồng ý rằng một số công ty kiểm toán không thuộc Big Four đã thuê những người bên ngoài có chứng chỉ kiểm toán (hành nghề) để giúp tuân thủ yêu cầu về số lượng kiểm toán viên hành nghề theo quy định của pháp luật. Những người này chỉ đăng ký làm kiểm toán viên hành nghề tại các công ty này nhưng họ không thực sự làm việc cho các công ty kiểm toán này với tư cách là kiểm toán viên. Một số công ty kiểm toán nhỏ thuê những người có

chứng chỉ kiểm toán nhằm đủ số lượng kiểm toán viên để đáp ứng yêu cầu của luật kiểm toán độc lập. Các công ty kiểm toán này bề ngoài tuân thủ Luật Kiểm toán nhưng thực tế thì không. Mặc dù Bộ Tài chính giám sát chặt chẽ việc đăng ký của các kiểm toán viên hành nghề, tuy nhiên việc thuê người có chứng chỉ kiểm toán để hoạt động trong thị trường kiểm toán vẫn còn diễn ra trong các công ty kiểm toán không thuộc nhóm Big Four. Kết quả trong nghiên cứu này nên được các cơ quan chức năng Việt Nam quan tâm, vì một số công ty kiểm toán đang tuân thủ theo luật một cách hình thức mà không thay đổi thực chất hoạt động bên trong của họ (Scott, 2008).

#### ***4.2. Vấn đề liên quan đến luân chuyển kiểm toán viên***

Đối với đơn vị đại chúng, trưởng nhóm kiểm toán, người ký báo cáo kiểm toán phải luân chuyển sau 3 năm tài chính liên tục. Ngoài ra, các kiểm toán viên hành nghề khác tham gia vào hợp đồng kiểm toán cũng phải luân chuyển, tuy nhiên quy định là sau 5 năm tài chính liên tiếp. Với các khách hàng kiểm toán khác (khách hàng không phải công ty đại chúng), Luật Kiểm toán độc lập yêu cầu trưởng nhóm kiểm toán ký báo cáo kiểm toán và thành viên ban giám đốc của công ty kiểm toán, người ký trên báo cáo kiểm toán, cả hai đều phải được thay đổi sau 3 năm tài chính liên tiếp.

Theo những người được phỏng vấn, trưởng nhóm kiểm toán phải luân chuyển sau 3 năm tài chính liên tiếp, điều này phù hợp để đảm bảo tính độc lập kiểm toán và đưa ra những ý tưởng mới. Ngoài ra, kiểm toán viên cũ, người có thể vẫn làm việc trong cùng một công ty kiểm toán, sẵn sàng tư vấn cho trưởng nhóm kiểm toán mới nếu cần thiết. Ngoài ra, do văn hóa Việt Nam, tính độc lập trong kiểm toán dễ bị xói mòn do kiểm toán viên thường có mối quan hệ thân thiết với khách hàng kiểm toán. “Tôi cho rằng yêu cầu này là phù hợp, vì thực tế ở Việt Nam việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp đôi khi chưa tốt, đặc biệt là tính độc lập trong kiểm toán. Kiểm toán viên Việt Nam tại các

công ty không thuộc Big Four thường có mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng kiểm toán. Sau gần 3 năm, tính độc lập kiểm toán bị xói mòn... Vì vậy, tôi nghĩ việc luân chuyển kiểm toán viên sau 3 năm là phù hợp” - một người được phỏng vấn cho biết. Nhóm những người được phỏng vấn khác lại cho rằng thời gian luân chuyển kiểm toán viên quá ngắn làm tăng chi phí và kém hiệu quả cho các công ty kiểm toán. Họ mong muốn thời gian luân chuyển kiểm toán là 5 năm thay vì 3 năm. Các công ty kiểm toán thì cho biết thời gian luân chuyển kiểm toán viên bắt buộc là quá ngắn. Năm đầu kiểm toán viên mới tiếp cận, sang năm thứ hai có thể tiếp cận nhiều hơn nhưng lại chuẩn bị luân phiên. Kiểm toán viên phải luân chuyển sau 3 năm. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc tuân thủ yêu cầu luân chuyển kiểm toán viên chỉ mang tính chất hình thức là một thông lệ phổ biến ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này nhất quán với bằng chứng định lượng hiện có về kiểm toán ở Việt Nam, chẳng hạn như trong Pham et al. (2014); Hải và Trung (2015). Những ý kiến khác lại cho rằng: “Họ chỉ thay đổi trưởng nhóm kiểm toán một cách hình thức. Kiểm toán viên cũ là người biết khách hàng kiểm toán. Khách hàng kiểm toán không muốn thay đổi kiểm toán viên. Kiểm toán viên cũ có thể chuyển giao kiến thức cho người mới, nhưng không phải tất cả các vấn đề liên quan. Trong bối cảnh của Việt Nam, việc thực hiện kiểm toán sẽ dễ dàng hơn nếu khách hàng biết đến chúng tôi”. Và “Họ không có đủ người để luân chuyển. Chỉ thay đổi người ký trên báo cáo kiểm toán thôi, nhưng thực chất thì kiểm toán viên chính từ những năm trước đó vẫn là trưởng nhóm tham gia công việc thực sự năm nay. Điều này là phổ biến”.

Như vậy, tại một số công ty kiểm toán, kiểm toán viên không tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc và quy tắc về tính độc lập. Tuy nhiên, hầu hết những người tham gia, bao gồm cả các cơ quan quản lý, khẳng định rằng các công ty kiểm toán Big Four tuân thủ việc luân chuyển đối tác kiểm toán nghiêm ngặt hơn so với các công ty kiểm

toán không thuộc Big Four. Lý do chính là các công ty kiểm toán Big Four cũng phải tuân theo các chính sách công ty toàn cầu của họ. Các công ty Big Four không chỉ được giám sát bởi các cơ quan quản lý của Việt Nam, mà còn được giám sát bởi trụ sở chính hoặc văn phòng khu vực của họ.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, trong một số trường hợp, các công ty kiểm toán không tuân thủ luật pháp hoặc họ chỉ tuân thủ luật pháp một cách hình thức. Ngoài ra, kết quả từ phỏng vấn cho thấy kiểm toán viên cẩn trọng hơn khi họ thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng. Nguyên nhân do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính thường kiểm soát, giám sát chặt chẽ hơn hoạt động kiểm toán của các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam.

## 5. Kết luận

Các cuộc phỏng vấn trực tiếp với các cơ quan quản lý, đối tượng được kiểm toán, kiểm toán viên của các công ty kiểm toán tại Việt Nam cho thấy hầu hết những người tham gia nghiên cứu đều tin rằng các điều kiện mới để tiến hành kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng đã dẫn đến việc gia tăng các chiến lược hợp nhất.

Các công ty kiểm toán, đặc biệt là các công ty không thuộc Big Four đã có những thay đổi đáng kể để đáp ứng với các yêu cầu mới trong luật kiểm toán độc lập. Các công ty kiểm toán không phải Big Four đã sử dụng hình thức sáp nhập và tăng nguồn lực để đáp ứng các quy định mới về điều kiện thành lập công ty kiểm toán và do đó, đã sử dụng các chiến lược hợp nhất là phản ứng đối với các điều kiện mới để tiến hành kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng. Tuy nhiên, một số công ty kiểm toán chỉ thay đổi về hình thức để đáp ứng các yêu cầu mới của luật. Một số công ty nhỏ thuê chứng chỉ kiểm toán chỉ để đáp ứng các yêu cầu mới của Luật Kiểm toán độc lập. Điều này phổ biến hơn ở các công ty kiểm toán không thuộc Big Four, những công ty chịu sự giám sát theo quy định ít hơn cả ở địa phương và toàn cầu, so với các công ty Big Four.

Về cải cách luân chuyển đối tác kiểm toán, điều thú vị là hầu hết những người tham gia nghiên cứu đều đồng tình rằng việc tuân thủ yêu cầu luân chuyển kiểm toán viên chỉ mang tính hình thức ở một số công ty kiểm toán. Nguyên nhân chủ yếu là mối quan hệ chặt chẽ giữa khách hàng kiểm toán và kiểm toán viên, đặc biệt là với các kiểm toán viên không thuộc Big Four. Nghiên cứu hiện tại nâng cao hiểu biết của người đọc về các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập

của kiểm toán viên tại Việt Nam và mối quan hệ chặt chẽ giữa kiểm toán viên và khách hàng trong bối cảnh nền kinh tế thị trường mới nổi. Fan et al. (2013) báo cáo rằng các kiểm toán viên Trung Quốc ít quan tâm đến mối quan hệ giữa kiểm toán viên và khách hàng làm ảnh hưởng đến tính độc lập so với các nước phương Tây. Nghiên cứu hiện tại chỉ ra kết quả tương tự đối với các kiểm toán viên Việt Nam, đặc biệt là từ những người hành nghề nhỏ ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Ezzamel, M., and J. Xiao (2011). Accounting in transitional and emerging market economies. *European Accounting Review*, 20, 625-637.
2. Fan, Y., G. Woodbine, and W. Cheng (2013). A study of Australian and Chinese accountants attitudes towards independence issues and the impact on ethical judgements. *Asian Review of Accounting*, 21, 205-222.
3. Hai, H. D., and N. Trung (2015). The factors affecting the quality of financial statement audits in Vietnam businesses. *Asian Social Science*, 12, 172-181.
4. Hai, P. T. (2016). The research of factors affecting the quality of audit activities: empirical evidence in Vietnam. *International Journal of Business Management*, 11, 83-94.
5. Hossain, M., C. Lim, and P. S. Tan (2010). Corporate governance, investor protection, and auditor choice in emerging markets. *Review of Pacific Basin Financial Markets and Policies*, 13, 91-126.
6. Michas, P. N. (2011). The importance of audit profession development in emerging market countries. *Accounting Review*, 86, 1731-1764.
7. Nguyễn Quang Quỳnh, Nguyễn Thị Phương Hoa (2008). *Lý thuyết Kiểm toán*. Nxb Tài chính, Hà Nội.
8. Nguyen, T. (2011). Consolidation between audit firms, an undeniable trend. Available at: <http://www.vacpa.org.vn/Page/Detail.aspx?newxml:id=4385>.
9. Nguyen, T., and I. Eddie (1994). Reform of the accounting system in Vietnam. *International Journal of Business Studies*, 2, 1-15.
10. Nguyen, A., and G. Gong (2012). Vietnamese accounting reform and international convergence of Vietnamese accounting standards. *International Journal of Business and Management*, 7, 26-36.
11. Nguyen, L, Umemoto, K., Y. Kohda, and J. Blake (2015). *Knowledge management in auditing: A case study in Vietnam*. European Conference on Knowledge Management, Academic Conferences International Ltd.
12. Nguyen, P., and M. Kend (2017). The perceived motivations behind the introduction of the law on external audit in Vietnam. *Managerial Auditing Journal*, 32, 90-108.
13. Pham, H., P. Amaria, T. Bui, and S. Tran (2014). A study of audit quality in Vietnam. *International Journal of Business, Accounting, and Finance*, 8, 73-110.

14. Scott, R. W. (2008). *Institutions and Organizations*. Sage, Thousand Oaks, CA.
15. Vietnam Association of Certified Public Accountants (2021). *The Documents for annual meeting of audit firms* (in Vietnamese).

**Ngày nhận bài: 15/4/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/4/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 17/5/2023**

*Thông tin tác giả:*

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**

**Trường Đại học PHENIKAA**

# IMPACT OF INNOVATIONS IN THE LEGAL FRAMEWORK FOR INDEPENDENT AUDITING IN VIETNAM ON AUDITING PRACTICES

● **NGUYEN THI PHUONG**

PHENIKAA University

## **ABSTRACT:**

This study explores the impact of innovations in the legal framework for independent auditing in Vietnam on auditing practices. This study used a qualitative approach, including interviews with identified stakeholders in the audit and assurance services sector in Vietnam, internal documents, and documents from external sources. The study finds that business risks still exist for foreign firms doing trading activities in Vietnam, especially when non-Big 4 auditing firms audit these firms because, in some cases, the independence of the auditors may be compromised.

**Keywords:** legal framework, independent audit, audit practices, audit firm, Vietnam.